

Bản án số: **330 /2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 15/9/2021
V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 18/2021/TB-TA ngày 23/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn TN, xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 47, tiểu khu 13, thị trấn LS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Cao Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn TN, xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Cao Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/10/1992 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ), nay là Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn

TN, xã TB, huyện CM. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ, xô xát. Từ năm 2017 chị thuê nhà ở thị trấn LS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Cao Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Đ có 02 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1993 và Trần Cao L, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Cao Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CM. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh ở thôn TN, xã TB, huyện CM. Năm 2012 anh mua ki ốt ở chợ LS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình để chị T bán hàng sáng đi tối về. Đến năm 2019 chị T thuê nhà ở thị trấn LS để tiện bán hàng không phải đi lại nhiều. Đầu năm 2021 chị T không quan tâm đến chồng con do chị T có quan hệ với người khác ở bên ngoài. Nay chị T xin ly hôn anh, nếu chị T không về nhà giải quyết ở gia đình với anh trước thì anh không lên Tòa án giải quyết. Trường hợp chị T nhất quyết ly hôn thì chị T đơn phương ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1993 và Trần Cao L, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh Đ. Về con chung, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Cao Đ. Về con

chung: Các con chung đã đến tuổi trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn anh Trần Cao Đ cư trú tại xã TB, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Cao Đ đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng tuy nhiên anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Cao Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 26/10/1992 tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện CM, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị T, anh Đ cho thấy: Theo chị T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát, từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh Đ cho rằng chị T có quan hệ với người khác ở bên ngoài nên không quan tâm đến chồng con nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì và cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T xin ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị T và anh Đ xác nhận có 02 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1993 và Trần Cao L, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành và lập gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Cao Đ.

2.Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Trần Thị H, sinh năm 1993 và Trần Cao L, sinh năm 1996 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075087 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Cao Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã TB, huyện CM, Tp. Hà Nội
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi